1210 118 717

REV. DATE	DESCRIPTION 新规设计	XUÁT BĂN VË	CUTTING TOLERANCE
init. 2016/03/15	初外设计	_	0.5 ≤ , ≤ 6 ±0.1 6 < , ≤ 30 ±0.2
		BÁN VỀ DÙNG CHẾ TÁC - NGHIỆM THU	30 < , ≦ 120 ±0.3
		-	120 < , ≦ 315 ±0.5
		HÚY SAU KHI HOẢN TẤT	TOLERANCES NOT
BJ (0.6) - BJ (1.0) BJ (1.0)	BJ 2.5 BJ (1 BJ (1 BJ (1) A BJ (1 A BJ (1 A BJ (1 BJ (1	(GS) 10.4 10.4 10.49 10.49 (7) 10.49 (7) 10.49 (7) 10.49	GS MA (10.7) − 2-R0.2 EW A向视图 (8:1)
	Olino, I	17010	Parker Addition of the second and the property of the second
DWN.	₩a F Fee		クロウ)
DWN. Liu_Jie_Yao	iang_Jian_Ling 部品図	爪 (ツメ / CLA	クロウ)
DWN. Liu_Jie_Yao	iang_Jian_Ling 部品図 SURFACE 部品図	CLA	クロウ) w
DWN. Liu_Jie_Yao	iang_Jian_Ling 部品図 SURFACE	CLA M	クロウ) w
DWN. Liu_Jie_Yao	iang_Jian_Ling 部品図 SURFACE 部品図	CLA	クロウ) w

SNO: 10197				
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:				
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P			